

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 25-3-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Anh Huy

2. Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn Tr, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị U, sinh năm 1960 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đá Biên, xã Thanh Phước, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1991 và bà Bùi Thị Trúc L, sinh năm 1990 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Văn Tr và bà Đỗ Thị U thống nhất trình bày:

Chúng tôi với ông Nguyễn Văn Đôi và bà Nguyễn Thị Lo là hàng xóm nên ông Đôi và bà Lo có đến nhà chúng tôi nhờ chúng tôi cho con ông Đôi và bà Lo là ông Nguyễn Tấn Đ và bà Bùi Thị Trúc L vay số tiền 410.000.000đ, thời hạn

vay là 05 năm, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 1.2%/tháng, thỏa thuận miệng là 03 tháng trả lãi một lần. Khi vay ông Đ và bà L có ký giấy “Đơn vay tiền” ngày 01/10/2020 cho vợ chồng chúng tôi, sau đó ông Đ và bà L vay thêm của chúng tôi là 20.000.000đ. Tổng cộng số nợ vay là 430.000.000đ. Quá trình vay nợ, ông Đ và bà L không đóng lãi cho chúng tôi theo thỏa thuận nên quá lâu rồi, chúng tôi khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà L có trách nhiệm trả cho chúng tôi số tiền nợ gốc là 430.000.000đ và tiền lãi 05 năm (60 tháng) với mức lãi suất là 0.83%/tháng; Cụ thể:

$$430.000.000\text{đ} \times 60 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 214.140.000\text{đ}$$

Tổng cộng: 644.140.000đ

Riêng đối với ông Đôi và bà Lo vì là cha mẹ của ông Đ và bà L nên vợ chồng tôi mới đưa làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ ông bà không có vay tiền vợ chồng chúng tôi và vợ chồng chúng tôi cũng không yêu cầu ông Đôi và bà Lo liên đới cùng ông Đ và bà L trả nợ cho chúng tôi.

- *Bị đơn – Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Bùi Thị Trúc L trình bày:* Chúng tôi thống nhất với lời trình bày của ông Tr và bà U. Do cần tiền làm ăn nên vợ chồng chúng tôi có vay của ông Tr và bà U 430.000.000đ, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 1.2%/tháng, thỏa thuận miệng là 03 tháng trả lãi một lần. Quá trình vay nợ vợ chồng chúng tôi đóng lãi không đều nên trước yêu cầu khởi kiện của ông Tr và bà U, vợ chồng chúng tôi đồng ý trả nợ gốc là 430.000.000đ và tiền lãi 05 năm (60 tháng) với mức lãi suất là 0.83%/tháng; Cụ thể:

$$430.000.000\text{đ} \times 60 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 214.140.000\text{đ}$$

Tổng cộng: 644.140.000đ.

Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng chúng tôi xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Nguyên đơn ông Tr và bà U không đồng ý với yêu cầu trả dần của bị đơn. Tuy nhiên sau khi xem xét lại yêu cầu của bị đơn, nguyên đơn đồng ý điều chỉnh lãi là tính lãi chậm trả từ ngày ký hợp đồng đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn có đề ông Nguyễn Văn Đôi, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Lo, sinh năm 1962 là cha mẹ của bị đơn là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác

định bà Lo cùng chồng là ông Đôi không vay nợ nguyên đơn và không yêu cầu ông Đôi và bà Lo phải liên đới cùng ông Đ và bà L trả nợ nên Hội đồng xét xử xác định ông Đôi và bà Lo không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Tr và bà U với ông Nguyễn Văn Đôi và bà Nguyễn Thị Lo là hàng xóm nên ông Đôi và bà Lo có đến nhà ông bà để nhờ ông bà cho con ông Đôi và bà Lo là ông Nguyễn Tấn Đ và bà Bùi Thị Trúc L vay số tiền 410.000.000đ, thời hạn vay là 05 năm, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 1.2%/tháng, thỏa thuận miệng là 03 tháng trả lãi một lần. Khi vay ông Đ và bà L có ký giấy “Đơn vay tiền” ngày 01/10/2020 cho ông bà, sau đó ông Đ và bà L vay thêm của ông bà là 20.000.000đ. Tổng cộng số nợ vay là 430.000.000đ. Quá trình vay nợ, ông Đ và bà L không đóng lãi cho ông bà theo thỏa thuận vì quá lâu rồi nên ông bà khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà L có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 430.000.000đ và tiền lãi 05 năm (60 tháng) với mức lãi suất là 0.83%/tháng; Cụ thể:

$$430.000.000đ \times 60 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 214.140.000đ.$$

$$\text{Tổng cộng: } 644.140.000đ.$$

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông Tr và bà U đến phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Bùi Thị Trúc L thừa nhận có nợ nguyên đơn gốc là 430.000.000đ, do không đóng lãi đầy đủ nên ông Đ và bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là trả nợ gốc và lãi là 644.140.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý điều chỉnh lãi là tính lãi chậm trả từ ngày ký hợp đồng đến khi xét xử sơ thẩm, nên căn cứ vào Điều 470 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc và lãi là đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận; cụ thể:

$$430.000.000đ \times 53 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 189.157.000đ$$

$$\text{Tổng cộng: } 430.000.000 + 189.157.000đ = 619.157.000đ$$

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Bị đơn có yêu cầu trả dần nhưng nguyên đơn không chấp nhận nên bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Văn Tr và bà Đỗ Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Bùi Thị Trúc L chịu số

tiền 28.766.280 đ (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Ông Bùi Văn Tr và bà Đỗ Thị U cùng sinh năm 1960 trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên là đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên không có hoàn lại tạm ứng án phí cho ông Tr và bà U.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Tr, bà Đỗ Thị U đối với ông Nguyễn Tấn Đ và bà Bùi Thị Trúc L.

Buộc ông Nguyễn Tấn Đ và bà Bùi Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn Tr và bà Đỗ Thị U số tiền nợ gốc và lãi là 619.157.000đ (Sáu trăm mười chín triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

2. Về án phí:

Nguyên đơn ông Bùi Văn Tr và bà Đỗ Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Bùi Thị Trúc L chịu số tiền 28.766.280đ (Hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Ông Bùi Văn Tr và bà Đỗ Thị U sinh năm 1960 trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên là đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không hoàn lại tạm ứng án phí cho ông Tr và bà U.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi

hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương